

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thị Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Chế Thị Hồng Cẩm
- Ông Mai Văn Tài

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thuý Duy là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn: Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 76/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hồ Thị Hồng N, sinh năm 1986 (xin xét xử vắng mặt); địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang;
- Bị đơn: Võ Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt); địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hồ Thị Hồng N trình bày:

Bà N và ông T có thời gian quen biết tự nguyện tìm hiểu nhau trước, sau đó tổ chức lễ cưới về chung sống năm 2004 và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 14/9/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, về sau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau và ông T không lo làm kinh tế phụ giúp nuôi con, thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, kinh tế

trong gia đình do bà N lo liệu, mâu thuẫn kéo dài nên bà N và ông T đã ly thân đến nay được hơn 06 tháng chưa về chung sống lại. Nay tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N kiên quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: có 02 con chung gồm Võ Hồ Thiên Đ, sinh ngày 19/6/2005 và Võ Hồ Phương Á, sinh ngày 21/8/2009, bà N yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Võ Hồ Phương Á không yêu cầu cấp dưỡng, riêng Thiên Đ đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, không ghi nhận được ý kiến trình bày, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2004, đến khoảng năm 2024 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp thường xuyên cãi nhau, ông T không chí thú làm ăn, kinh tế trong gia đình do một mình bà N lo liệu, ông T còn thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, dẫn đến việc bà N khởi kiện ly hôn, và đôi bên đã ly thân 06 tháng chưa về chung sống lại; mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 06/5/2025, lời khai của bà N phù hợp kết quả xác minh về thời gian đôi bên ly thân và mâu thuẫn, ông T liên tục vắng mặt không tạo cơ hội để hòa giải với bà N để tìm cách hàn gắn lại tình cảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung gồm Võ Hồ Thiên Đ, sinh ngày 19/6/2005 và Võ Hồ Phương Á, sinh ngày 21/8/2009, bà N yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Võ Hồ Phương Á không yêu cầu cấp dưỡng, riêng Thiên Đ đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Căn cứ theo Biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2025 thể hiện cháu Á có nguyện vọng muốn sống chung với bà N, việc giao cháu Á cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 20 tháng 3 năm 2025 bà Hồ Thị Hồng N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Ông T cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất vào ngày 23/5/2025 nguyên đơn và bị đơn vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do; riêng nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà N và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 14/9/2004 là quan hệ hôn nhân có giá trị pháp lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa bà N và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà N yêu cầu ly hôn. Trong suốt quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tạo điều kiện hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án là tự từ bỏ quyền lợi của mình. Xét về mâu thuẫn từ năm 2024 bà N và ông T đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, thường xuyên cãi nhau, ông T còn thường xuyên cờ bạc gây nợ nần, không chí thú làm ăn, kinh tế trong gia đình do một mình bà N lo liệu, các bên đã ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay bỏ mặc nhau tự sống, không còn tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau điều này phù hợp với kết quả Biên bản xác minh ngày 06/5/2025. Do đó, mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà N và ông T có 02 con chung gồm Võ Hồ Thiên Đ, sinh ngày 19/6/2005 và Võ Hồ Phương Á, sinh ngày 21/8/2009, bà N yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Võ Hồ Phương Á không yêu cầu ông T cấp dưỡng, riêng Thiên Đ đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Căn cứ theo Biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2025 thể hiện cháu Á có nguyện vọng muốn sống chung với bà N, việc giao cháu Á cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, phù hợp điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về con chung bà N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Hồ Phương Á và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và được

quyền thăm con chung mà không ai được cản trở, riêng Võ Hồ Thiên Đ đã trưởng thành nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Hồ Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Hồng N1. Bà Võ Thị Hồng N1 được ly hôn với ông Võ Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41/KH ngày 14/9/2004 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Hồ Thị Hồng N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Hồ Phương Á, sinh ngày 21/8/2009. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Võ Hồ Phương Á được sống chung với bà N, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà N.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Hồ Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020064 ngày 01-4-2025 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Hồ Thị Hồng N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hùng

